

Số: 578 /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 03 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao chỉ tiêu xây dựng, tập huấn, huấn luyện,
hội thao và diễn tập lực lượng Dân quân tự vệ năm 2022**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 77/2020/TT-BQP ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thực hiện một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ;

Căn cứ Thông tư số 69/2020/TT-BQP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, hội thi, hội thao, diễn tập cho Dân quân tự vệ;

Căn cứ Chỉ thị số 187/CT-QK ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Tư lệnh Quân khu 9 một số mặt công tác quốc phòng địa phương năm 2022;

Căn cứ Kế hoạch số 454/KH-TM ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tham mưu Quân khu 9 công tác dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh, công tác quốc phòng địa phương năm 2022;

Theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tại Tờ trình số 480/TTr-BCH ngày 25 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu xây dựng, tập huấn, huấn luyện, hội thao và diễn tập lực lượng Dân quân tự vệ cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh năm 2022 như sau:

- Chỉ tiêu xây dựng: Tổng số lực lượng Dân quân tự vệ năm 2022 là 20.938 lực lượng; công nhận hoàn thành nghĩa vụ và cho ra lý do khác 3.276 lực lượng; kết nạp mới 3.311 lực lượng (Phụ lục I).

- Chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện các đối tượng 16.929 lực lượng (Phụ lục I); trong đó chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện tự vệ của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức cấp tỉnh năm 2022 là 325 lực lượng (Phụ lục II).

- Chỉ tiêu Hội thao Dân quân tự vệ cấp huyện 4.032 lực lượng, cấp tỉnh 420 lực lượng (Phụ lục III).



- Chỉ tiêu diễn tập cấp xã 33 cuộc (Phụ lục IV).
- Phân cấp tập huấn, huấn luyện, hội thao và diễn tập Dân quân tự vệ (Phụ lục V).

Điều 2. Toàn tỉnh tổ chức kết nạp lực lượng Dân quân tự vệ mới và công nhận Dân quân tự vệ hoàn thành nghĩa vụ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ vào ngày 28 tháng 3 năm 2022. Tổ chức tập huấn, huấn luyện, hội thao và diễn tập lực lượng Dân quân tự vệ theo nội dung, chương trình, thời gian quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BQP.

Điều 3. Giao Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh lập kế hoạch, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện đạt chỉ tiêu theo kế hoạch.

Sở Tài chính phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cân đối, bố trí ngân sách cho xây dựng, tập huấn, huấn luyện, hội thao, diễn tập lực lượng Dân quân tự vệ và hướng dẫn việc thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. H2

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (05b);
- Sở Tài chính;
- 49 Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo VP, P. Nội chính;
- Lưu: VT, BCHQS tỉnh, hvlu.

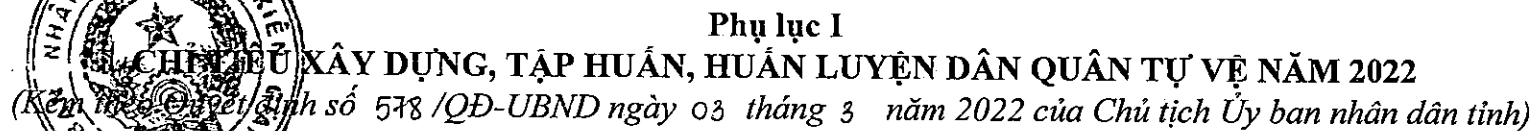
CHỦ TỊCH



hình

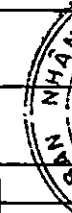
Lâm Minh Thành





TT	Nội dung Đơn vị	Dân số (CB-CNV)	Lực lượng DQTV năm 2021	Chỉ tiêu cho ra hoàn thành nghĩa vụ DQTV và cho ra khác	Chỉ tiêu kết nạp DQTV mới	Tổng số lực lượng DQTV xây dựng năm 2022	Đạt % so với dân số	Tập huấn cán bộ DQTV đạt 100%							Huấn luyện DQTV các đối tượng đạt 100%					Huấn luyện DQTV các đối tượng đạt 80% trở lên								DQTV tại chỗ 60% quân số trở lên	Tổng số tập huấn, huấn luyện DQTV	Đạt % so với tổng lực lượng		
								Tổng cộng	Cấp tỉnh					Cấp huyện	Tổng	Năm thứ nhất	Thường trực	Phòng không	Dân quân biển	Cộng	Cơ động	Pháo 85mm, 105mm	Pháo binh (ĐKZ, Cối)	Trình sát	Công binh	Thông tin	Phòng hóa				Y tế	
									Cộng	Chính trị viên	Chỉ huy trưởng	Phó Chỉ huy trưởng	Chính trị viên phó																			Cán bộ Pháo phòng không, pháo binh, hải đội DQTT
TOÀN TỈNH		1,737,733	20,903	3,276	3,311	20,938	1.20	2,873	616	120	109	224	112	51	2,257	5,331	3,293	790	610	638	5,240	3,180	36	638	346	346	346	174	174	3,485	16,929	80.9
1	Huyện Giang Thành	29,220	760	161	161	760	2.60	108	16	3	4	5	4		92	284	161	69	54		216	120		48	12	12	12	7	5	52	660	86.8
2	Thành phố Hà Tiên	50,884	978	150	150	978	1.92	144	28	6	5	11	6		116	346	150	79	54	63	279	160		51	17	17	17	10	7	73	842	86.1
3	Huyện Kiên Lương	79,498	1,164	152	142	1,154	1.45	177	44	7	6	17	4	10	133	287	142	46	27	72	326	180	16	53	19	19	19	10	10	170	960	83.2
4	Huyện Kiên Hải	17,591	545	85	85	545	3.10	81	13	3	3	4	3		68	221	85	28	54	54	166	100		26	10	10	10	5	5	16	484	88.8
5	Thành phố Phú Quốc	145,464	1,376	188	188	1,376	0.95	193	31	7	6	10	8		162	393	188	61	54	90	342	200		54	22	22	22	12	10	209	1,137	82.6
6	Huyện Hòn Đất	156,770	1,801	260	260	1,801	1.15	257	53	13	12	16	12		204	411	260	70	27	54	486	300		50	34	34	34	17	17	332	1,486	82.5
7	Thành phố Rạch Giá	227,733	1,600	300	300	1,600	0.70	218	34	7	6	15	6		184	492	300	66	54	72	434	260		59	29	29	29	14	14	193	1,337	83.6
8	Huyện Châu Thành	160,994	1,368	270	294	1,392	0.86	204	40	8	10	13	9		164	425	294	50	54	27	352	220		36	24	24	24	12	12	190	1,171	84.1
9	Huyện Tân Hiệp	125,858	1,371	300	300	1,371	1.09	186	36	9	9	8	10		150	370	300	43	27		382	240		38	26	26	26	12	14	194	1,132	82.6
10	Huyện Giồng Riềng	225,369	2,278	350	350	2,278	1.01	315	70	18	17	20	15		245	444	350	67	27		634	400		50	46	46	46	22	24	460	1,853	81.3
11	Huyện Gò Quao	133,776	1,670	170	170	1,670	1.25	218	33	10	3	11	9		185	240	170	43	27		382	240		38	26	26	26	14	12	508	1,348	80.7
12	Huyện An Biên	115,238	1,433	294	303	1,442	1.25	207	48	8	8	12	7	13	159	422	303	47	27	45	342	200	20	34	22	22	22	12	10	221	1,192	82.7
13	Huyện An Minh	115,740	1,492	259	262	1,495	1.29	206	39	9	7	14	9		167	389	262	55	27	45	383	240		38	26	26	26	10	17	251	1,229	82.2
14	Huyện U Minh Thượng	63,772	947	99	108	956	1.50	136	26	5	6	9	6		110	167	108	32	27		226	140		30	14	14	14	7	7	245	774	81.0
15	Huyện Vĩnh Thuận	82,626	1,058	220	220	1,058	1.28	146	28	7	7	10	4		118	281	220	34	27		290	180		33	19	19	19	10	10	151	868	82.0
16	Ban CHQS CQ, TC	7,200	931			931	12.93	62	62	0		49		13		43	0	0	43		0			0			0		0	220	325	34.9
17	Hải đội DQTT tỉnh		131	18	18	131		15	15					15		116			0	116	0			0							131	100

Phụ lục II
CHỈ TIÊU TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN TỰ VỆ NĂM 2022 CỦA BAN CHQS CƠ QUAN, TỔ CHỨC CẤP TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 578 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	CÁC BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CƠ QUAN, TỔ CHỨC CẤP TỈNH	Tổng số lực lượng tự vệ năm 2021	Chỉ tiêu cho ra hoàn thành nghĩa vụ DQTV và cho ra khác	Chỉ tiêu kết nạp DQTV mới	Lực lượng năm 2022	Biên chế					Chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện			Ghi chú
						Ban Chỉ huy	Tự vệ tại chỗ			Biên chế Đại đội PPK 37mm	Cộng	Tập huấn cán bộ	Huấn luyện chiến sỹ	
							Quân số	Tiểu đội	Trung đội					
TỔNG CỘNG		931	0	0	931	196	679	35	13	56	325	62	263	
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	32			32	4	28		1		10	1	9	
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	13			13	4	9	1			4	1	3	
3	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	32			32	4	28		1		10	1	9	
5	Báo Kiên Giang	13			13	4	9	1			4	1	3	
6	Bưu điện tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
7	Cảng hàng không Rạch Giá	13			13	4	9	1			4	1	3	
8	Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang	13			13	4	9	1			4	1	3	
9	Công ty Bảo Việt Kiên Giang	13			13	4	9	1			4	1	3	
10	Ban Dân tộc tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
11	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	32			32	4	28		1		10	1	9	
12	Công ty Điện lực Kiên Giang	13			13	4	9	1			4	1	3	
13	Cục Hải quan tỉnh	32			32	4	28		1		10	1	9	
14	Cục Quản lý thị trường tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
15	Cục Thi hành án dân sự tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	



TT	CÁC BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CƠ QUAN, TỔ CHỨC CẤP TỈNH	Tổng số lực lượng tự vệ năm 2021	Chỉ tiêu cho ra hoàn thành nghĩa vụ DQTV và cho ra khác	Chỉ tiêu kết nạp DQTV mới	Lực lượng năm 2022	Biên chế				Chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện			Ghi chú	
						Ban Chỉ huy	Tự vệ tại chỗ			Biên chế Đại đội PPK 37mm	Cộng	Tập huấn cán bộ		Huấn luyện chiến sỹ
							Quân số	Tiểu đội	Trung đội					
16	Cục Thống kê tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
17	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	32			32	4	28		1		10	1	9	
18	Hội Nông dân tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
19	Kho bạc Nhà nước tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
20	Khối Đảng thuộc Tỉnh ủy	32			32	4	28		1		10	1	9	
21	Liên đoàn Lao động tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
22	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
23	Nhà máy Xi măng Kiên Lương	60			60	4	0			56	57	14	43	
24	Sở Công Thương	13			13	4	9	1			4	1	3	
25	Sở Giáo dục và Đào tạo	13			13	4	9	1			4	1	3	
26	Sở Giao thông vận tải	32			32	4	28		1		10	1	9	
27	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13			13	4	9	1			4	1	3	
28	Sở Khoa học và Công nghệ	13			13	4	9	1			4	1	3	
29	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	13			13	4	9	1			4	1	3	
30	Sở Ngoại vụ	13			13	4	9	1			4	1	3	
31	Sở Nội vụ	13			13	4	9	1			4	1	3	
32	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	32			32	4	28		1		10	1	9	
33	Sở Tài chính	32			32	4	28		1		9	1	8	
34	Sở Tài nguyên và Môi trường	13			13	4	9	1			4	1	3	
35	Sở Thông tin và Truyền thông	13			13	4	9	1			4	1	3	
36	Sở Tư pháp	32			32	4	28		1		10	1	9	
37	Sở Văn hóa và Thể thao	13			13	4	9	1			4	1	3	
38	Sở Xây dựng	13			13	4	9	1			4	1	3	
39	Sở Y tế	32			32	4	28		1		10	1	9	

TT	CÁC BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CƠ QUAN, TỔ CHỨC CẤP TỈNH	Tổng số lực lượng tự vệ năm 2021	Chỉ tiêu cho ra hoàn thành nghĩa vụ DQTV và cho ra khác	Chỉ tiêu kết nạp DQTV mới	Lực lượng năm 2022	Biên chế				Chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện			Ghi chú	
						Ban Chỉ huy	Tự vệ tại chỗ			Biên chế Đại đội PPK 37mm	Cộng	Tập huấn cán bộ		Huấn luyện chiến sỹ
							Quân số	Tiểu đội	Trung đội					
40	Thanh tra tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
41	Tinh đoàn	13			13	4	9	1			4	1	3	
42	Tòa án nhân dân tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
43	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch Kiên Giang	13			13	4	9	1			4	1	3	
44	Trường Chính trị tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
45	Truyền tải điện Miền Tây 3	13			13	4	9	1			4	1	3	
46	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
47	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	32			32	4	28		1		9	1	8	
48	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	13			13	4	9	1			4	1	3	
49	Viễn thông Kiên Giang	32			32	4	28		1		10	1	9	





Phụ lục III
CHỈ TIÊU HỘI THAO LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Đơn vị	Hội thao cấp huyện	Hội thao cấp tỉnh	Ghi chú
		Quân số	Quân số	
	Toàn tỉnh	4.032	420	
1	Huyện Giang Thành	140	28	
2	Thành phố Hà Tiên	196	28	
3	Huyện Kiên Lương	224	28	
4	Huyện Kiên Hải	112	28	
5	Thành phố Phú Quốc	252	28	
6	Huyện Hòn Đất	392	28	
7	Thành phố Rạch Giá	336	28	
8	Huyện Châu Thành	280	28	
9	Huyện Tân Hiệp	308	28	
10	Huyện Giồng Riềng	532	28	
11	Huyện Gò Quao	308	28	
12	Huyện An Biên	252	28	
13	Huyện An Minh	308	28	
14	Huyện U Minh Thượng	168	28	
15	Huyện Vĩnh Thuận	224	28	



Phụ lục IV

DIỄN TẬP CẤP XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 578 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Địa phương	Số lượng đơn vị cấp xã diễn tập	Ghi chú
TOÀN TỈNH		33	
1	Huyện Giang Thành	1	
2	Thành phố Hà Tiên	2	
3	Huyện Kiên Lương	2	
4	Huyện Kiên Hải	1	
5	Thành phố Phú Quốc	2	
6	Huyện Hòn Đất	3	
7	Thành phố Rạch Giá	3	
8	Huyện Châu Thành	2	
9	Huyện Tân Hiệp	2	
10	Huyện Giồng Riềng	4	
11	Huyện Gò Quao	3	
12	Huyện An Biên	2	
13	Huyện An Minh	3	
14	Huyện U Minh Thượng	1	
15	Huyện Vĩnh Thuận	2	

Phụ lục V

PHÂN CẤP TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN, HỘI THAO VÀ DIỄN TẬP DÂN QUÂN TỰ VỆ NĂM 2022

*(Kèm theo Quyết định số 578 /QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*** Số lượng, thời gian và phân cấp tập huấn, huấn luyện, diễn tập lực lượng dân quân tự vệ như sau:**

1. Cấp tỉnh tập huấn, huấn luyện: 1.031 lực lượng.

- Tập huấn cán bộ Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã; Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan tổ chức cấp huyện, tỉnh; cán bộ Pháo phòng không, pháo binh, cán bộ hải đội dân quân thường trực: 616 lực lượng, thời gian 07 ngày.

- Huấn luyện chiến sỹ tự vệ Đại đội Pháo phòng không của tỉnh (Nhà máy xi măng Kiên Lương): 43 lực lượng, thời gian 12 ngày.

- Huấn luyện chiến sỹ dân quân Đại đội pháo 105mm (An Biên) và Pháo 85mm (Kiên Lương): 36 lực lượng, thời gian 12 ngày.

- Huấn luyện chiến sỹ Hải đội dân quân thường trực: 116 lực lượng, thời gian 60 ngày.

Huấn luyện chiến sỹ tự vệ cơ quan tổ chức cấp tỉnh: 220 lực lượng, thời gian 07 ngày.

2. Cấp huyện tập huấn, huấn luyện: 9.099 lực lượng.

- Tập huấn cán bộ trung đội, tiểu đội trưởng thường trực, cơ động, tại chỗ, cán bộ trung đội, tiểu đội dân quân tự vệ biển; cán bộ ấp, khu đội trưởng; cán bộ khẩu đội trưởng phòng không, pháo binh: 2.195 lực lượng, thời gian 05 ngày.

- Tập huấn cán bộ trung đội trưởng phòng không, pháo binh: 62 lực lượng, thời gian 07 ngày.

- Huấn luyện dân quân thường trực: 136 lực lượng, thời gian 60 ngày.

- Huấn luyện dân quân cơ động cấp huyện: 300 lực lượng, thời gian 12 ngày.

- Huấn luyện dân quân binh chủng Phòng không, Pháo binh, Trinh sát, Công binh, Thông tin, Phòng hóa, Y tế: 2.591 lực lượng, thời gian 12 ngày.

- Huấn luyện dân quân tự vệ biển: 522 lực lượng, thời gian 12 ngày.

- Huấn luyện dân quân tự vệ năm thứ nhất: 3.293 lực lượng, thời gian 15 ngày.

3. Cấp xã và cơ quan, tổ chức huấn luyện: 6.799 lực lượng.

- Huấn luyện dân quân cơ động cấp xã: 2.880 lực lượng, thời gian 12 ngày.

- Huấn luyện dân quân thường trực: 654 lực lượng, thời gian 60 ngày.

- Huấn luyện dân quân tự vệ tại chỗ: 3.265 lực lượng, thời gian 07 ngày.



4. Tổ chức hội thao

- Cấp huyện hội thao 4.032 lực lượng.
- Cấp tỉnh hội thao 420 lực lượng

5. Diễn tập cấp xã: Tổng số 33 cuộc, mỗi cuộc 1,5 ngày.

